TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2018
V/v**:** "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mến

2. Ông Phạm Xuân Trường

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Công Quảng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 111/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29/3/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Diễm S, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 16 đường số 6, tổ 4, thôn 8, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 16 đường số 6, tổ 4, thôn 8, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị S trình bày: Chị và anh T sau thời gian tìm hiểu đã nguyện kết hôn, về sống chung với nhau vào năm 2009, nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 13/4/2011. Sau khi kết hôn không lâu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay nhậu nhẹt, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Ngoài ra, anh T là người ghen tuông vô cớ, đã có lần đánh đập chị gây thương tích. Chị đã cố chịu đựng trong thời gian dài để khuyên giải kể cả tác động gia đình hai bên can thiệp nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân thật sự không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T; Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Trương Ngọc D, sinh ngày 15/4/2010. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Lê Văn T khai thống nhất như lời khai của chị S về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, con chung và xung đột vợ chồng. Anh T thừa nhận anh là người hay nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ, có lần không kiềm chế được nên đã đánh chị S. Mâu thuẫn vợ chồng anh đã trải qua thời gian dài, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị S nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh T đồng ý giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, thấy rằng: Hôn nhân giữa chị S và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân thời gian dài, không hàn gắn được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp và đúng pháp luật. Về con chung: Xét thấy cần giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị S và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của anh chị và giấy khai sinh do UBND xã Đ cấp cho người được khai sinh tên Lê Trương Ngọc D, sinh ngày 15/4/2010 thì có đủ cơ sở xác định, Ngọc D là con chung của chị S, anh T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Trên cơ sở các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T đã thật sự không còn hạnh phúc, anh chị đã ly thân gần nữa năm nay nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm, mặc dù đã có sự tác động, khuyên giải của gia đình nhưng vẫn không có kết quả. Quá trình tham gia tố tụng, chị S và anh T đều thừa nhận tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không hàn gắn được và anh T đồng ý ly hôn. Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh T đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị S phù hợp với ý kiến của anh T và nguyện vọng của cháu Ngọc D. Chị S có công việc và thu nhập ổn định.

Do đó, căn cứ vào Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ngọc D cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Do chị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[4] Về án phí: Chị S là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Diễm S.

- Về hôn nhân: Tuyên bố Trương Thị Diễm S ly hôn Lê Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Trương Thị Diễm S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Lê Trương Ngọc D, sinh ngày 15/4/2010. Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Diễm S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0018320 ngày 29/3/2018. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (12/6/2018), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Thuận*
- *VKDND huyện Đức Linh;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu HS./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Trần Phước Hiệu